

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Biểu mẫu 18**

*Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo*

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, năm 2021 - 2022**  
*(Về các học phần của từng khóa học, chuyên ngành, thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp)*

**NGÀNH: VIỆT NAM HỌC**

**1. Công khai các học phần của từng khóa học, chuyên ngành:**

| <b>STT</b> | <b>Tên học phần</b>   | <b>Mục đích học phần</b>  | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Lịch trình giảng dạy</b> | <b>Phương pháp đánh giá người học</b> |
|------------|-----------------------|---|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| 1.         | Triết học Mác – Lênin | Học phần giúp người học có hiểu biết căn bản, nền tảng, hệ thống về triết học Mác-Lênin. Từ đó, học phần giúp người học biết vận dụng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp biện chứng duy vật vào việc học tập, nghiên cứu các khoa học cụ thể; đồng thời phân tích và giải quyết được những vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. | 3                 | Học kỳ 1                    | Tự luận                               |
| 2.         | Pháp luật đại cương   | Học phần giúp người học vận dụng được các kiến thức về nhà nước và pháp luật để sử dụng trong giảng dạy và cách ứng xử của cá nhân trong xã hội khi liên quan đến pháp luật; đồng thời có kiến thức và cơ sở lý luận để học các học phần  | 2                 | Học kỳ 1                    | Tự luận                               |

| <b>STT</b> | <b>Tên học phần</b> | <b>Mục đích học phần</b>  | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Lịch trình giảng dạy</b> | <b>Phương pháp đánh giá người học</b> |
|------------|---------------------|---|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
|            |                     | liên quan, thực hiện được các công việc liên quan đến nhà nước và pháp luật.  |                   |                             |                                       |
| 3.         | Tin học căn bản     | Học phần giúp người học có khả năng sử dụng máy tính như một phương tiện phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu, sử dụng máy tính với các phần mềm MS Word, MS Excel và MS PowerPoint thành thạo, truy cập Internet để tiếp cận với các thông tin mới và có thể học được các học phần khác có sử dụng máy tính.   | 3                 | Học kỳ 1                    | Thực hành                             |
| 4.         | Giáo dục thể chất 1 | Học phần giúp người học rèn luyện thể chất và tập luyện thể thao để giữ gìn sức khỏe. Bồi dưỡng kỹ năng vận động trong cuộc sống thông qua các bài tập thể dục phát triển chung, bài tập thể lực, bài tập chạy cự ly ngắn và các phương pháp tập luyện, tự tập luyện phát triển thể lực cá nhân (sức bền, sức mạnh, sức nhanh, khéo léo, độ dẻo).                             | 1                 | Học kỳ 1                    | Trắc nghiệm, Tự luận                  |
| 5.         | Nhập môn Logic học  | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về Logic học hình thức, trong đó bao gồm các nội dung về quy luật tư duy (đồng nhất, cấm mâu thuẫn, bài trung và túc lý), về khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ và ngụy biện. Học phần cũng nhằm hình thành ý thức nâng cao năng lực tư duy logic, kỹ năng phân tích tính hợp logic trong suy luận cho người học. | 2                 | Học kỳ 1                    | Tự luận                               |
| 6.         | Lịch sử Việt Nam 1  | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử dân tộc từ thế kỉ X đến 1858. Tham gia học phần, người học được trang bị những kiến thức hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam, chủ yếu từ khi các cư dân người Việt cổ xây dựng được mô hình nhà nước đầu tiên cho đến khi  | 2                 | Học kỳ 1                    | Tự luận, Trắc nghiệm, Vấn đáp         |

| STT | Tên học phần                         | Mục đích học phần  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--------------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
|     |                                      | nước ta bị chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm lược (giữa thế kỉ XIX).   |            |                      |                                |
| 7.  | Nhập môn Khu vực học và Việt Nam học | Học phần giúp người học có kiến thức nhập môn về lý thuyết Khu vực học, Việt Nam học hiện đang được áp dụng rộng rãi trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: các khái niệm cơ bản, lịch sử hình thành và phát triển của ngành học với tư cách những khoa học liên ngành; những khái niệm cơ bản; vai trò, đối tượng, phương pháp tiếp cận, nội dung nghiên cứu của Khu vực học, Việt Nam học trong xu thế phát triển của khoa học hiện nay,... Trên cơ sở đó, người học rèn luyện được kỹ năng và thao tác so sánh, liên hệ khi tiếp xúc với các tri thức về khu vực, Việt Nam, bước đầu làm quen với một số phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu khu vực và thực hành các phương pháp này ở mức độ các bài tập nghiên cứu nhỏ. | 2          | Học kỳ 1             | Tự luận                        |
| 8.  | Địa lý Việt Nam 1                    | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về lãnh thổ Việt Nam, lịch sử phát triển của tự nhiên, đặc điểm của các hợp phần tự nhiên của Việt Nam, từ đó nêu khái quát mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người Việt Nam, đặt ra một số vấn đề cấp thiết về bảo vệ thiên nhiên ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời, học phần còn giới thiệu sơ nét về đặc điểm dân cư và xã hội Việt Nam. Đó chính là những yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế đất nước.  | 2          | Học kỳ 1             | Tự luận, Vấn đáp               |
| 9.  | Xã hội học đại cương                 | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về xã hội học; đối tượng nghiên cứu, cơ cấu và chức năng của xã hội học; nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu xã hội học, các yếu tố cấu trúc nên xã hội học. Từ đó biết giải thích, phân tích, đánh giá   | 2          | Học kỳ 1             | Trắc nghiệm, Tự luận           |

| STT | Tên học phần                      | Mục đích học phần   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học           |
|-----|-----------------------------------|---|------------|----------------------|--|
|     |                                   | các hiện tượng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội dưới góc độ của môn học.   |            |                      |  |
| 10. | Tâm lý học đại cương              | Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về bản chất, đặc điểm của hiện tượng tâm lý và các quy luật tâm lý cơ bản của con người (nhận thức, tình cảm, ý chí, hành động và nhân cách...). Trên cơ sở đó giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tế để nhận diện, phân biệt, giải thích được các hiện tượng tâm lý cơ bản, góp phần định hướng cho hoạt động của người học. | 2          | Học kỳ 2             | Trắc nghiệm, Tự luận                     |
| 11. | Ngoại ngữ học phần 1              | Học phần giúp người học có kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kiến thức văn hóa, xã hội nhằm giúp người học phát triển năng lực giao tiếp cần thiết và có khả năng vận dụng vào xử lí các tình huống giao tiếp hàng ngày ở trình độ trên bậc 2/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.   | 4          | Học kỳ 2             | Tự luận                                  |
| 12. | Kinh tế chính trị học Mác – Lênin | Học phần giúp người học có những tri thức cơ bản, cốt lõi và mở rộng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay; những vấn đề kinh tế chính trị cơ bản và mới của kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cách mạng công nghiệp và hội nhập quốc tế.   | 2          | Học kỳ 2             | Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận |
| 13. | Chủ nghĩa xã hội khoa học         | Học phần giúp người học hiểu biết về những vấn đề lí luận trong chủ nghĩa xã hội khoa học, đồng thời, học phần cũng giúp người học nắm bắt những kiến thức thực tiễn ở Việt Nam có liên quan đến những vấn đề lí luận trên.   | 2          | Học kỳ 2             | Tự luận, thuyết trình                    |

| STT | Tên học phần                    | Mục đích học phần   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 14. | Giáo dục thể chất 2             | Học phần giúp người học nâng cao sức khỏe và bước đầu hướng dẫn tập luyện một số bài tập thể lực chuyên môn hỗ trợ cho môn thể thao mà người học đã lựa chọn tập luyện.   | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 15. | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về: phương pháp nghiên cứu nói chung, nghiên cứu văn hóa, du lịch nói riêng, xây dựng các kỹ năng liên quan đến tiến trình nghiên cứu (như xác định đề tài, tìm kiếm và xử lý tài liệu, xác lập và kiểm tra giả thuyết), việc viết luận văn cũng như bảo vệ khóa luận, luận văn.  | 2          | Học kỳ 2             | Thuyết trình                   |
| 16. | Cơ sở văn hóa Việt Nam 1        | Học phần giúp người học có kiến thức chung về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, về hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng. Học phần cũng giúp người học biết cách tiếp cận, tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; biết phân tích, đánh giá được những giá trị truyền thống văn hóa Việt.  | 2          | Học kỳ 2             | Trắc nghiệm, Tiểu luận         |
| 17. | Hán Nôm I                       | Học phần giúp người có kiến thức cơ sở về cổ Hán văn trên các phương diện chữ Hán, đặc trưng cú pháp, vai trò của một số hư từ trong cách hành văn, cùng các kỹ năng cần thiết để tra cứu, đọc và giải mã văn bản Hán văn đơn giản; tích lũy những kiến thức về thể loại Hán văn truyền thống cũng như văn hóa, văn học được tích hợp trong các văn bản tuyển chọn. Học phần cũng giúp người học có sự hiểu biết và cách tiếp cận với lớp từ gốc Hán trong tiếng Việt. Trên cơ sở đó, củng cố và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp xã hội, cũng như trong hoạt động chuyên môn. | 3          | Học kỳ 2             | Tự luận                        |

| STT | Tên học phần         | Mục đích học phần   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|----------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 18. | Địa lý Việt Nam 2    | Học phần giúp người học có kiến thức về lãnh thổ, tài nguyên môi trường Việt Nam, dân cư, lao động Việt Nam và khái quát hoạt động sản xuất ở Việt Nam.   | 2          | Học kỳ 2             | Tự luận                        |
| 19. | Lịch sử Việt Nam 2   | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử dân tộc từ năm 1858 đến 2000. Tham gia học phần người học được cung cấp những kiến thức hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam, từ khi nước ta bị thực dân Pháp xâm lược và biến thành thuộc địa (cuối thế kỉ XIX) đến giai đoạn đất nước hòa bình, thống nhất và tiến nhanh trên con đường đổi mới những năm 2000.   | 2          | Học kỳ 2             | Tự luận                        |
| 20. | Ngoại ngữ học phần 2 | Học phần giúp người học hệ thống hóa lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp, văn hóa, xã hội và phát triển năng lực giao tiếp để có khả năng vận dụng vào xử lí các tình huống giao tiếp thông thường hoặc đặc biệt ở trình độ cận bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.  | 3          | Học kỳ 3             | Tự luận                        |
| 21. | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Công sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, con người và đạo đức. Từ đó, học phần giúp người học hình thành niềm tin vào lý tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. | 2          | Học kỳ 3             | Tự luận, tiểu luận             |
| 22. | Hán Nôm II           | Học phần này giúp người học nắm bắt và nâng cao những kiến thức cơ bản về cổ Hán văn trên các phương diện cú pháp, vai trò của một số hư từ trong cách hành văn, cùng các kỹ  | 2          | Học kỳ 3             | Tự luận                        |

| STT | Tên học phần             | Mục đích học phần  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
|     |                          | năng cần thiết để tra cứu, đọc và giải mã văn bản Hán văn; tích lũy những kiến thức về thể loại Hán văn truyền thống cũng như văn hóa, văn học được tích hợp trong các văn bản tuyển chọn; giúp người học nắm bắt một cách tổng thể kiến thức về lịch trình phát triển, cấu trúc của chữ Nôm cùng những thành tựu mà chữ Nôm đã đóng góp cho nền văn học, văn hóa dân tộc. Học phần giúp người học tiếp tục mở rộng lớp từ gốc Hán trong tiếng Việt nhằm củng cố và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp xã hội, cũng như trong hoạt động chuyên môn.               |            |                      |                                |
| 23. | Cơ sở văn hóa Việt Nam 2 | Học phần giúp người học có kiến thức kiến thức và năng lực nghiên cứu các giá trị văn hóa Việt Nam từ góc độ bản sắc văn hóa Việt Nam. Học phần cũng giúp người học biết cách đánh giá được những giá trị truyền thống văn hóa Việt như những thế mạnh trong với phát triển du lịch.   | 2          | Học kỳ 3             | Tiểu luận                      |
| 24. | Văn học Việt Nam 1       | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về: Đại cương văn học dân gian; Cơ cấu thể loại văn học dân gian; Thực hành phân tích đặc trưng thể loại qua một số tác phẩm VHDG cụ thể, giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về văn học dân gian: các đặc trưng cơ bản, cơ cấu thể loại, đặc trưng từng thể loại văn học dân gian (thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, tục ngữ, câu đố, ca dao - dân ca,...). Trên cơ sở đó, giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tế để đọc, phân tích, đánh giá... các thể loại, tác phẩm, vấn đề thuộc văn học dân gian. | 2          | Học kỳ 3             | Tiểu luận                      |
| 25. | Tư tưởng phương Đông     | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về hành trình và đặc điểm của tư tưởng phương Đông: cấu trúc đặc thù và  | 2          | Học kỳ 3             | Tiểu luận                      |

| STT | Tên học phần              | Mục đích học phần  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
|     |                           | con đường phát triển của tư tưởng phương Đông (so sánh với phương Tây); cách thức trình bày của các hệ thống tư tưởng triết học phương Đông; nội dung cơ bản của tư tưởng phương Đông (chủ yếu là Ấn Độ, Trung Quốc và Việt Nam). Trên cơ sở đó góp phần hình thành ở người học tư duy tổng hợp và khả năng đánh giá độc lập, toàn diện hơn tri thức nhân loại.  |            |                      |                                |
| 26. | Lịch sử văn minh thế giới | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về khái niệm và phương pháp nghiên cứu Lịch sử Văn minh Thế giới, sự khởi phát của các nền văn minh, sự giao lưu tương tác giữa các nền văn minh, sự phát triển của các nền văn minh. Từ đó, người học xây dựng và phát triển tư duy tổng hợp, khả năng làm việc dựa trên nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới với việc phát huy bản sắc văn hóa dân tộc để giới thiệu cho du khách.           | 2          | Học kỳ 3             | Tự luận, Vấn đáp, Tiểu luận    |
| 27. | Giáo dục thể chất 3       | Học phần giúp người học tăng khả năng phối hợp vận động, lượng vận động trong thể lực chung và thể lực chuyên môn thông qua các bài tập thể lực đa dạng, chuyên biệt, bước đầu làm quen các hình thức và luật thi đấu của các môn thể thao mà người học đã lựa chọn tập luyện.   | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 28. | Địa lý du lịch            | Học phần giúp người học có kiến thức về cơ sở lý luận và phân vùng du lịch, trong phân vùng du lịch gồm có 7 chương tương ứng với 7 vùng du lịch nước ta hiện nay. Học phần giúp người học có những kiến thức về du lịch, tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch và các hoạt động của du lịch, về những cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hóa, đặc sắc của đất nước, bản chất của du lịch và ý nghĩa của du lịch trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống con người. | 2          | Học kỳ 3             | Tự luận                        |

| <b>STT</b> | <b>Tên học phần</b>            | <b>Mục đích học phần</b>   | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Lịch trình giảng dạy</b> | <b>Phương pháp đánh giá người học</b> |
|------------|--------------------------------|--|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| 29.        | Ngoại ngữ học phần 3           | Học phần giúp người học củng cố và bổ sung các kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, phát triển năng lực giao tiếp để có khả năng vận dụng tốt trong việc giải quyết các tình huống giao tiếp ở trình độ bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.   | 3                 | Học kỳ 4                    | Tự luận                               |
| 30.        | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Học phần giúp người học có sự hiểu biết về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và nghiên cứu quá trình hình thành và quy luật ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, các cuộc kháng chiến cứu nước và bảo vệ độc lập dân tộc, cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Từ đó hiểu rõ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.             | 2                 | Học kỳ 4                    | Tự luận, tiểu luận                    |
| 31.        | Tiếng Anh du lịch 1            | Học phần giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành du lịch cho người học. Học xong học phần này người học phải biết diễn đạt bằng tiếng Anh những vấn đề cơ bản liên quan đến công tác hướng dẫn du lịch, với mức độ khó tăng dần (Xử lý tin nhắn điện thoại, gọi điện thoại để kiểm tra thông tin, đặt chuyên du lịch trọn gói, mô tả công việc của một hướng dẫn viên du lịch và các công việc trong ngành du lịch lữ hành,...). | 3                 | Học kỳ 4                    | Tự luận                               |
| 32.        | Các vùng văn hóa Việt Nam      | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về tiêu chí phân vùng văn hóa và những nhân tố tác động đến sự hình thành vùng văn hóa, đặc điểm cụ thể các vùng văn hóa Việt Nam, một số vấn đề về phát triển du lịch gắn với văn hóa vùng. Từ  | 3                 | Học kỳ 4                    | Tự luận                               |

| <b>STT</b> | <b>Tên học phần</b>            | <b>Mục đích học phần</b>  | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Lịch trình giảng dạy</b> | <b>Phương pháp đánh giá người học</b> |
|------------|--------------------------------|---|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
|            |                                | đó, người học vận dụng kiến thức vào thực tiễn hướng dẫn du lịch hoặc nghiên cứu.   |                   |                             |                                       |
| 33.        | Văn hóa các tộc người Việt Nam | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về nguồn gốc, sự phân bố, đặc trưng về văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần của các tộc người sinh sống ở Việt Nam theo từng nhóm ngữ hệ (Nam Á, H'Mông - Dao, Tày - Thái, Nam Đảo, Hán - Tạng). Trên cơ sở đó, giúp người học vận dụng những giá trị văn hóa độc đáo của các tộc người vào hoạt động khai thác du lịch.             |                   |                             |                                       |
| 34.        | Tổng quan về du lịch           | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về du lịch như khái niệm và phân loại du lịch, tài nguyên du lịch, thị trường và sản phẩm du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch, nguồn nhân lực du lịch, một số vấn đề về du lịch thế giới và Việt Nam. Qua đó, người học có thể vận dụng để tổng hợp, phân tích các các vấn đề về du lịch và hoạt động du lịch. | 3                 | Học kỳ 4                    | Tự luận, Tiểu luận                    |
| 35.        | Văn học Việt Nam 2             | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến cuối thế kỷ XIX, đồng thời rèn luyện cho người học kỹ năng đọc hiểu, phân tích, đánh giá tác phẩm theo thể loại, từ đó thấy được sự khác nhau về các đặc điểm, ý nghĩa của thể loại, phản ánh quá trình phát triển của tư tưởng nghệ thuật nơi các tác gia trung đại                               | 2                 | Học kỳ 4                    | Tự luận, Tiểu luận                    |
| 36.        | Pháp luật du lịch              | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về pháp luật du lịch: khái niệm pháp luật du lịch, quản lý nhà nước về du lịch, kinh doanh du lịch, hướng dẫn viên du lịch, khách du lịch... Qua học phần này, người học có thể vận dụng kiến thức đó để giải thích và đánh giá được các vấn đề liên quan   | 2                 | Học kỳ 5                    | Tự luận                               |

| <b>STT</b> | <b>Tên học phần</b>           | <b>Mục đích học phần</b>   | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Lịch trình giảng dạy</b> | <b>Phương pháp đánh giá người học</b> |
|------------|-------------------------------|--|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
|            |                               | đến pháp luật trong lĩnh vực du lịch. Đồng thời, vận dụng để xử lý các tình huống du lịch.   |                   |                             |                                       |
| 37.        | Tuyến điểm du lịch Việt Nam 1 | Học phần giúp người học có kiến thức về địa lý, văn hoá, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyến - điểm du lịch duyên hải Nam - Trung bộ, Tây Nguyên và Nam bộ làm cơ sở để thiết kế các chương trình du lịch và phục vụ cho hoạt động thuyết minh hướng dẫn du lịch.  |                   |                             |                                       |
| 38.        | Văn học Việt Nam 3            | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay, giúp người học có cái nhìn tổng quát về nền văn học Việt Nam hơn một thế kỉ qua. Môn học cũng góp phần luyện cho người học khả năng đọc hiểu được tác giả, ngôn ngữ nghệ thuật tiếng Việt qua các tác phẩm tiêu biểu.   | 2                 | Học kỳ 5                    | Tự luận                               |
| 39.        | Tiếng Anh du lịch 2           | Học phần giúp người học rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành du lịch cho người học. Học xong học phần này người học phải biết diễn đạt bằng tiếng Anh những vấn đề cơ bản liên quan đến công tác hướng dẫn du lịch, với mức độ khó tăng dần (Nói về các món ăn và đồ uống trong nhà hàng và cách gọi món và ghi thực đơn, giới thiệu và hướng dẫn các hoạt động ngoài trời trong chuyên du lịch, giới thiệu và quảng bá các sản phẩm du lịch của công ti lữ hành, hướng dẫn ghi các mẫu kê khai xuất nhập cảnh,...). | 3                 | Học kỳ 5                    | Tự luận                               |
| 40.        | Quy hoạch du lịch             | Học phần giúp người học có kiến thức về nơi đến du lịch, lí luận về quy hoạch du lịch, nội dung trong quy hoạch du lịch quốc gia và vùng, các vấn đề cần cân nhắc trong quy hoạch  | 2                 | Học kỳ 5                    | Tự luận, Tiểu luận                    |

| STT | Tên học phần                      | Mục đích học phần  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|-----------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
|     |                                   | phát triển du lịch, kết quả quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam. Qua đó, người học có cái nhìn tổng quan cũng như những kỹ năng cần thiết về quy hoạch du lịch.   |            |                      |                                |
| 41. | Tiếng Việt trên các miền đất nước | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về sự phân vùng các phương ngữ tiếng Việt; đặc điểm chính về ngữ âm, từ vựng của các hệ thống phương ngữ Bắc, Trung, Nam; một số vấn đề liên quan đến phương ngữ trên phương tiện truyền thông đại chúng. Từ đó, người học được củng cố khả năng giao tiếp tiếng Việt chuẩn mực, có thể nhận diện, phân tích, so sánh phương ngữ các vùng miền để giới thiệu cho du khách. | 2          | Học kỳ 5             | Tự luận, Tiểu luận, Vấn đáp    |
| 42. | Nghệ thuật nói trước công chúng   | Học phần giúp người học trang bị các vấn đề lý luận chung về hoạt động giao tiếp của con người nói chung, hoạt động nói trước công chúng nói riêng. Chương 3 là chương trọng tâm, đi sâu tìm hiểu cách tổ chức bài thuyết trình trước công chúng một cách hiệu quả. Chương 4 là chương rèn luyện các kỹ năng thiết yếu để có thể nói chuyện chinh phục khán thính giả.   | 2          | Học kỳ 5             | Tự luận                        |
| 43. | Văn hóa ẩm thực                   | Học phần giúp người học có kiến thức về văn hóa ẩm thực và văn hóa ẩm thực Việt Nam (tập quán và khẩu vị của người Việt, nghệ thuật ẩm thực Việt Nam...); những yếu tố ảnh hưởng đến ẩm thực và ẩm thực Việt Nam. Từ đó, giúp người học nghiên cứu và vận dụng hiệu quả vào hoạt động du lịch.   | 2          | Học kỳ 5             | Tự luận                        |
| 44. | Văn hóa giao tiếp                 | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan đến hoạt động giao tiếp, đặc trưng văn hóa giao tiếp của người Việt, văn hóa giao tiếp ở công sở, văn hóa giao tiếp   | 2          | Học kỳ 5             | Tự luận                        |

| STT | Tên học phần                  | Mục đích học phần   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|-------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
|     |                               | với việc xây dựng hình ảnh cá nhân trên mạng xã hội, những khác biệt cơ bản trong giao tiếp giữa phương Đông và phương Tây. Những nội dung này sẽ giúp người học giao tiếp, ứng xử hiệu quả khi làm việc trong môi trường công sở hay hướng dẫn khách du lịch.  |            |                      |                                |
| 45. | Văn minh Đông Nam Á           | Học phần giúp người học có kiến thức về các điều kiện hình thành và thành tựu của Văn minh của khu vực Đông Nam Á. Từ đó, có cái nhìn khái quát về khu vực Đông Nam Á nói chung các nước trong khu vực nói riêng, trong đó có Việt Nam. Góp phần xây dựng nhận thức của người học về vai trò, vị trí khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh đa phương hóa, toàn cầu hóa.                 | 2          | Học kỳ 5             | Tự luận, Tiểu luận             |
| 46. | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch I | Học phần giúp người học có kiến thức căn bản về vị trí của nghề, yêu cầu cơ bản của một hướng dẫn du lịch, những yếu tố tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, các phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch, hoạt động hoạt náo trong du lịch và xử lý tình huống trong hướng dẫn du lịch. Trên cơ sở đó, người học hình thành kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. | 4          | Học kỳ 5             | Tự luận, Tiểu luận, Vấn đáp    |
| 47. | Tuyến điểm du lịch Việt Nam 2 | Học phần giúp người học có kiến thức địa lý, văn hoá, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyến - điểm du lịch tại vùng du lịch Trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc, vùng Bắc Trung Bộ làm cơ sở để thiết kế các chương trình du lịch và phục vụ cho hoạt động thuyết minh hướng dẫn du lịch.             | 4          | Học kỳ 6             | Vấn đáp, Thực hành             |

| STT | Tên học phần                   | Mục đích học phần   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 48. | Tâm lý học du lịch             | Học phần giúp người học trang bị kiến thức tâm lý có tác dụng ứng dụng vào các hoạt động cơ bản trong lĩnh vực du lịch: tâm lý cá nhân, tâm lý nhóm, tâm lý khách hàng,...  | 2          | Học kỳ 6             | Tự luận                        |
| 49. | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch II | Học phần giúp người học có kiến thức về nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề cũng như quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch. Phương pháp tổ chức các sinh hoạt tập thể, phương pháp trả lời câu hỏi, đối thoại với khách, phương pháp xử lý tình huống, phong cách hướng dẫn, động tác, cử chỉ, ngôn ngữ, cách thức diễn đạt... và một số kỹ năng cần thiết khác.   | 3          | Học kỳ 6             | Tự luận, Tiểu luận             |
| 50. | Di tích - danh thắng Việt Nam  | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về những di tích, danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở Việt Nam theo 4 loại hình: nhóm di tích khảo cổ, nhóm di tích kiến trúc nghệ thuật, nhóm di tích lịch sử, nhóm danh lam thắng cảnh và hướng khai thác chúng để phục vụ phát triển du lịch. Qua đó, người học có thể vận dụng những kiến thức trên để thuyết minh tại điểm tham quan, thiết kế chương trình du lịch.   | 2          | Học kỳ 6             | Tự luận                        |
| 51. | Marketing trong du lịch        | Học phần giúp người học có kiến thức tác nghiệp về Marketing như phân tích, phân loại nhu cầu của các thị trường du lịch, xây dựng chiến lược sản phẩm du lịch, thiết lập kênh phân phối, quảng bá xúc tiến, đàm phán giao dịch để tạo ra các thị phần và các hợp đồng du lịch tiềm khả thi. Hình thành các kỹ năng quản trị marketing, nghiên cứu marketing, lập kế hoạch marketing và thực hiện cách hoạt động marketing tại các điểm, khu du lịch và doanh nghiệp du lịch. | 2          | Học kỳ 6             | Tiểu luận                      |
| 52. | Thực tập nghề nghiệp 1         | Học phần giúp người học có kiến thức về hai nội dung chính: Thâm nhập, tìm hiểu thực tế văn hóa, địa lí, du lịch tại địa bàn  | 3          | Học kỳ 6             | Tự luận                        |

| STT | Tên học phần                           | Mục đích học phần  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--|--|------------|----------------------|--------------------------------|
|     |  | thực tập; Hoạt động tham quan, thực tập nghiệp vụ hướng dẫn, trang bị cho người học những kỹ năng thực tế bằng việc đi thực tế tại địa phương, trong quá trình thực tế, người học có được kiến thức thực tế về văn hóa, du lịch, lịch sử, địa lí... ở các địa phương; thực hành các nghiệp vụ đã học. Về thực hành: Người học có khả năng thực hiện các biện pháp nghiệp vụ trong ngành du lịch; đóng vai trò là một hướng dẫn viên suốt tuyến: thuyết minh, phục vụ du khách trong chuyên đi, giải quyết các tình huống phát sinh,... |            |                      |                                |
| 53. | Thiết kế và điều hành tour             | Học phần giúp người học có kiến thức, kỹ năng cần thiết về thiết kế chương trình cho một tour du lịch trên cơ sở của kiến thức về tuyến – điểm, đặc điểm của khách hàng, loại hình du lịch... Cung cấp kỹ năng cần thiết về xúc tiến khâu tổ chức để cho chương trình tour trở thành sản phẩm cụ thể (nơi lưu trú, ăn uống tìm hướng dẫn phù hợp với tour... và các dịch vụ khác phù hợp với tiêu chuẩn tour đã thiết kế).   | 4          | Học kỳ 6             | Thực hành                      |
| 54. | Nghiệp vụ xuất nhập cảnh trong du lịch | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về xuất nhập cảnh: khái niệm, quy định, quy trình xuất nhập cảnh. Đồng thời, tìm hiểu về thủ tục, quy trình xuất nhập cảnh vào một số thị trường du lịch phổ biến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Dubai... Qua học phần này, người học có thể vận dụng những kiến thức đó để hoàn thiện kỹ năng, nghiệp vụ trong hướng dẫn khách du lịch. Đồng thời, chuẩn bị giấy tờ và hỗ trợ khách du lịch trong việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan tới xuất nhập cảnh.                 | 2          | Học kỳ 6             | Tự luận, Thực hành             |
| 55. | Chiến lược trong du lịch               | Học phần giúp người học có kiến thức tổng quan về chiến lược và quản trị chiến lược trong kinh doanh du lịch. Đồng   | 2          | Học kỳ 7             | Tự luận                        |

| <b>STT</b> | <b>Tên học phần</b>         | <b>Mục đích học phần</b>  | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Lịch trình giảng dạy</b> | <b>Phương pháp đánh giá người học</b> |
|------------|-----------------------------|---|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
|            |                             | thời giúp người học nắm bắt được các chiến lược phát triển du lịch Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng vào việc phân tích và xây dựng các chiến lược trong kinh doanh du lịch.  |                   |                             |                                       |
| 56.        | Văn hóa biển đảo Việt Nam   | Học phần giúp người học có kiến thức: một số khái niệm cơ bản trong văn hoá Việt Nam; tín ngưỡng, phong tục, và lễ hội vùng biển đảo; tri thức bản địa và nghệ thuật vùng biển đảo; Văn hóa biển đảo với hoạt động kinh tế và du lịch trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Học phần Văn hóa biển đảo Việt Nam bao gồm kiến thức về một số khái niệm liên quan về văn hóa biển, chủ quyền vùng biển đảo, đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của ngư dân và cư dân vùng biển. Học phần cũng trang bị cho người học những kỹ năng, phương pháp tiếp cận và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa biển đảo Việt Nam. | 3                 | Học kỳ 7                    | Tiểu luận                             |
| 57.        | Văn hóa Nam bộ              | Học phần giúp người học có kiến thức : định vị Văn hoá Nam Bộ; đặc trưng văn hoá Nam Bộ; một số vấn đề cụ thể trong đời sống văn hoá cư dân Nam Bộ. Từ đó, người học được trang bị hệ thống thuật ngữ khoa học và tri thức chuyên ngành, có thể nhận diện, phân tích, so sánh các khía cạnh liên quan đến đặc trưng văn hoá Nam Bộ để giới thiệu cho du khách.  | 3                 | Học kỳ 7                    | Tiểu luận                             |
| 58.        | Quản trị nhà hàng khách sạn | Học phần giúp người học có kiến thức căn bản: Khái quát về Quản trị Kinh doanh Nhà hàng; Lập kế hoạch trong Kinh doanh Nhà hàng; Tổ chức các hoạt động cơ bản trong Kinh doanh Nhà hàng.  | 2                 | Học kỳ 7                    | Tiểu luận                             |

| STT | Tên học phần                                | Mục đích học phần   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 59. | Nghiệp vụ trưởng đoàn du lịch - Tour Leader | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về vị trí của nghề, yêu cầu cơ bản của một trưởng đoàn du lịch, những yếu tố tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch outbound, các phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch, hoạt động hoạt náo trong du lịch và xử lý tình huống trong hướng dẫn du lịch. Trên cơ sở đó, người học hình thành kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. | 2          | Học kỳ 7             | Thực hành                      |
| 60. | Thực hành nghề nghiệp                       | Học phần giúp cho người học thực hiện kỹ năng nghề nghiệp ngay tại trường, với sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn. Người học thực hành các biện pháp nghiệp vụ trong ngành du lịch; đóng vai trò là một hướng dẫn viên: thuyết minh, hoạt náo, tổ chức các trò chơi vận động...  | 2          | Học kỳ 7             | Thực hành                      |
| 61. | Một số loại hình nghệ thuật Việt Nam        | Học phần giúp người học có kiến thức đại cương về các loại hình nghệ thuật truyền thống và hiện đại (kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh) ở Việt Nam. Đặc biệt, giúp người học nhận biết được giá trị của nghệ thuật truyền thống để có hướng tổ chức, khai thác nhằm phục vụ hiệu quả các hoạt động du lịch.  | 2          | Học kỳ 7             | Tự luận, Tiểu luận             |
| 62. | Thường thức y tế trong du lịch              | Học phần giúp người học có kiến thức: Sơ lược về Sơ cấp cứu; Xử trí các sơ cấp cứu thường gặp; Xử trí các bệnh – triệu chứng thường gặp trên tour. Từ đó, người học được củng cố khả năng giao tiếp tiếng Việt chuẩn mực, có thể nhận diện, phân tích, so sánh phương ngữ các vùng miền để giới thiệu cho du khách.   | 2          | Học kỳ 7             | Thực hành                      |
| 63. | Môi trường và phát triển bền vững           | Học phần giúp người học có kiến thức các vấn đề về môi trường và phát triển bền vững, một khoa học có liên quan chặt  | 2          | Học kỳ 7             | Tự luận, Tiểu luận             |

| STT | Tên học phần                          | Mục đích học phần   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---------------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
|     |                                       | chẽ với khoa học Địa lý. Học phần đề cập đến sự suy thoái và ô nhiễm môi trường, chiến lược bảo vệ môi trường, các vấn đề về phát triển bền vững ở Việt Nam.  |            |                      |                                |
| 64. | Du lịch sinh thái                     | Học phần giúp người học có kiến thức về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái. Các loại hình du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng qui hoạch, quản lí các hoạt động du lịch sinh thái trên phương diện kĩ thuật, kinh tế-xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ti du lịch sinh thái các khu bảo tồn, vườn quốc gia... Nhận thức được những thuận lợi và khó khăn trong phát triển loại hình du lịch này ở các vùng của đất nước, từ đó có thể lí giải nguyên nhân và đề xuất những biện pháp giải quyết.                               | 3          | Học kỳ 7             | Tự luận                        |
| 65. | Thực tập nghề nghiệp 2                | Học phần giúp người học thực hành các nội dung sau: thâm nhập, tìm hiểu thực tế văn hóa, địa lí, du lịch tại địa bàn thực tập; hoạt động tham quan, thực tập nghiệp vụ hướng dẫn; thực tập, tìm hiểu hoạt động của một cơ sở du lịch; viết tiểu luận. Người học đi thực tế tại địa phương nhằm có được kiến thức thực tế về văn hóa, du lịch, lịch sử, địa lí...; nhận biết sự khác biệt (nếu có) giữa lí thuyết và thực tế thực địa; thực tập nghiệp vụ ở các đơn vị văn hóa, du lịch nhằm giúp người học có khả năng thực hiện thuần thục các biện pháp nghiệp vụ chuyên ngành. | 6          | Học kỳ 8             | Thực hành                      |
| 66. | Các tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về những tín ngưỡng và tôn giáo lớn ở Việt Nam: lịch sử quá trình xuất hiện/ du nhập tín ngưỡng - tôn giáo, điều kiện khách quan và chủ quan của quá trình xuất hiện/ du nhập, đánh giá vị trí và những vấn đề liên quan đến hội nhập - phát triển của các tín  | 2          | Học kỳ 7             | Tự luận, Vấn đáp               |

| STT | Tên học phần                       | Mục đích học phần   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|------------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
|     |                                    | ngưỡng - tôn giáo. Từ đó, học phần giúp người học có cái nhìn đúng đắn, khách quan và khả năng tự nhận thức, đánh giá các hiện tượng tín ngưỡng - tôn giáo trong quá trình vận động liên tục gắn với thực tiễn Việt Nam hiện nay.   |            |                      |                                |
| 67. | Thường thức văn hóa Hán Nôm        | Học phần giúp người học có kiến thức về các nội dung chính sau: Hán Nôm dành cho du lịch theo thể loại văn bản và Văn hóa, văn từ Hán Nôm theo phân vùng du lịch. Từ đó, củng cố kiến thức Hán văn cơ sở, đồng thời giúp người học hiểu rõ về các thể loại văn bản Hán Nôm cổ, trung đại: đối liễn, bi, minh, chiếu, lưu đề, sắc phong...; rèn luyện, nâng cao năng lực minh giải văn bản Hán Nôm thông qua việc tiếp cận văn bản được cung cấp hoặc sưu tầm từ thực tế. Qua đó giúp người học biết yêu quý, trân trọng và tự hào về nền văn hiến lâu đời của dân tộc; có ý thức tự tìm tòi, học hỏi và tích lũy những kiến thức cơ bản về văn hóa, du lịch có liên quan nhằm vận dụng trực tiếp cho nghiệp vụ hướng dẫn. | 2          | Học kỳ 7             | Tự luận                        |
| 68. | Giáo dục Quốc phòng – Học phần I   | Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.  | 30 tiết    | Học kỳ hè            | Trắc nghiệm, tự luận           |
| 69. | Giáo dục Quốc phòng – Học phần II  | Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực quốc phòng và an ninh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc.   | 30 tiết    | Học kỳ hè            | Trắc nghiệm, tự luận           |
| 70. | Giáo dục Quốc phòng – Học phần III | Học phần giúp người học có kiến thức về đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến công; trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự;   | 85 tiết    | Học kỳ hè            | Vấn đáp, thực hành             |

| <b>STT</b> | <b>Tên học phần</b>               | <b>Mục đích học phần</b>  | <b>Số tín chỉ</b> | <b>Lịch trình giảng dạy</b> | <b>Phương pháp đánh giá người học</b> |
|------------|-----------------------------------|---|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
|            |                                   | kỹ thuật bắn súng ngắn K54 và thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.   |                   |                             |                                       |
| 71.        | Giáo dục Quốc phòng – Học phần IV | Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang; công tác dân vận của Đảng hiện nay. | 20 tiết           | Học kỳ hè                   | Trắc nghiệm, tự luận                  |

**2. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp chuyên ngành:**

| <b>STT</b> | <b>Trình độ đào tạo</b> | <b>Tên đề tài</b>  | <b>Họ và tên người thực hiện</b> | <b>Họ và tên người hướng dẫn</b> |
|------------|-------------------------|--|----------------------------------|----------------------------------|
| 1.         | Đại học                 | Giải pháp phát triển du lịch tỉnh Vĩnh Long giai đoạn hậu Covid-19 | Lê Hiệp Hà                       | Chung Lê Khang                   |

**HIỆU TRƯỞNG**

**Huỳnh Văn Sơn**